

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



**PVFCCo
PACKAGING**

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ (DPMP)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3500874315 (số cũ: 4903000566) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/12/2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: ...4.000.../ QĐ - SGDHN
do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ...30... tháng ...06... năm 2015)

🔗 **Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

1. CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ (DPMP)

Địa chỉ: Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3921 999 Fax: (064) 3921 966

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

➤ **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 04.3934 3888 Fax: 04.3934 3999
Website: www.psi.vn Email: psi@psi.vn

➤ **Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

➤ **Chi nhánh Vũng Tàu:**

Địa chỉ: Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp.Vũng Tàu
Điện thoại: 064.6254 520 Fax: 064.6254 521

➤ **Chi nhánh Đà Nẵng:**

Địa chỉ: Số 54-56 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
Điện thoại: 0511. 3899 338 Fax: 0511.3899 339

🔗 **Phụ trách công bố thông tin**

Họ tên: Ông Cao Vĩnh Hậu
Điện thoại: 0902 827 182

Chức vụ: Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ
(DPMP)**

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3500874315 (số cũ: 4503000320) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/12/2014)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu : PMP
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 4.200.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết : 42.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở : 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội

Điện thoại: 04.3934 3888 Fax : 04.3934 3999

Email: psi@psi.vn Website: www.psi.vn

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh: 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP.HCM

Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu : P112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp.Vũng Tàu

Điện thoại: 064.6254 520 Fax : 064.6254 521

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 54-56 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3899 338 Fax : 0511.3899 339

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143

Website: www.deloitte.com.vn

MỤC LỤC



I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1.	Rủi ro kinh tế.....	4
2.	Rủi ro luật pháp.....	4
3.	Rủi ro đặc thù	5
4.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết	5
5.	Rủi ro khác.....	5
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1.	Tổ chức niêm yết.....	6
2.	Tổ chức tư vấn	6
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	8
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
1.1.	Giới thiệu chung về Công ty	8
1.2.	Quá trình hình thành và phát triển	8
1.3.	Quá trình tăng vốn	9
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	9
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông.....	14
3.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/5/2015	14
3.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	15
3.3.	Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/05/2015	16
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của DPMP, những công ty mà DPMP đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với DPMP	16
5.	Hoạt động kinh doanh.....	16
5.1.	Hoạt động kinh doanh chính của Công ty	16
5.2.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	17
5.3.	Nguyên vật liệu	19

5.4. Chi phí sản xuất.....	20
5.5. Trình độ công nghệ.....	21
5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	21
5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	22
5.8. Hoạt động Marketing.....	22
5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	23
5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	23
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	24
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn 2013 – 2014 và Quý 1/2015.....	24
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014.....	25
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	26
7.1. Vị thế của Công ty.....	26
7.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	27
7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	27
7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới.....	27
8. Chính sách đối với người lao động.....	31
8.1. Số lượng người lao động trong Công ty.....	31
8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách đãi ngộ khác.....	31
9. Chính sách cổ tức.....	32
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	32
10.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	32
10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ.....	33
10.1.2. Mức lương bình quân.....	33
10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	33
10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định.....	33
10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định.....	34
10.1.6. Tổng dư nợ vay.....	34
10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay.....	36
10.1.8. Hàng tồn kho.....	37
10.1.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	38
11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát.....	39
11.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:.....	39

11.2. Thành viên Ban kiểm soát.....	49
12. Tài sản.....	53
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	54
13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	55
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	56
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của DPMP	56
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	56
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	57
1. Loại chứng khoán	57
2. Mã chứng khoán: PMP	57
3. Mệnh giá.....	57
4. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	57
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	57
6. Phương pháp tính giá.....	58
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	59
8. Các loại thuế có liên quan	59
8.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán	59
8.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán.....	60
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	63
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT.....	63
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	63
VII. PHỤ LỤC	63

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... Sự biến động của các yếu tố này thường có tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 đã có nhiều kết quả khả quan hơn so với năm 2013, với ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, cân đối ngân sách được cải thiện.

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, vượt trên nhiều dự báo, có thể nói tăng trưởng GDP của nền kinh tế đang có xu hướng tăng lên. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, và thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,6% của năm 2013. Có thể nói năm 2014 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây (Nguồn: Cục Thống kê). Bên cạnh đó, sự ổn định của thị trường ngoại hối trong năm 2014 cũng là một mục tiêu kiên định trong chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước. Trong năm 2014, biên độ dao động của tỷ giá USD/VND được duy trì ổn định hơn rất nhiều, nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ và kịp thời. Về lãi suất huy động và cho vay, lãi suất năm 2014 được tiếp tục điều chỉnh giảm. So với cuối năm 2013, lãi suất huy động giảm nhẹ từ 0,2% - 1%; còn lãi suất cho vay giảm từ 2,5% đối với ngắn hạn và giảm từ 2% - 3% đối với trung và dài hạn.

Trong 3 tháng đầu năm 2015 hầu hết các nền kinh tế mới nổi hy vọng sẽ đạt mức tăng trưởng khả quan hơn nhờ giá dầu giảm, thanh khoản toàn cầu tăng. Sự phục hồi của kinh tế Mỹ được kỳ vọng sẽ là đầu tàu cho các nền kinh tế phát triển, làm tăng nhu cầu đối với những mặt hàng xuất khẩu từ các nước đang phát triển tại khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, giúp khu vực này duy trì tốc độ tăng trưởng. Khu vực đồng Euro tuy không còn áp lực mạnh của cuộc khủng hoảng nợ công nhưng rủi ro suy thoái vẫn là điều quan ngại.

Tình hình kinh tế vĩ mô trong Quý I/2015 cũng đã có những chuyển biến tích cực. Cụ thể là lạm phát đã ổn định và duy trì ở mức thấp, CPI bình quân quý I năm nay tăng 0,74% so với bình quân cùng kỳ năm 2014, là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. GDP quý I/2015 ước tính tăng 6,03% so với cùng kỳ năm 2014, đây là mức tăng cao nhất của quý I trong 5 năm qua. Sản xuất kinh doanh nhìn chung thuận lợi do giá dầu giảm mạnh nên không chịu nhiều sức ép về chi phí đầu vào. Tuy nhiên, giá cả trên thị trường thế giới biến động mạnh, nhất là giá dầu gây áp lực lớn đến cân đối ngân sách Nhà nước (Nguồn: Tổng Cục Thống kê).

Những chuyển biến của nền kinh tế cũng đã tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.

2. Rủi ro luật pháp

Là Công ty Cổ phần, hoạt động kinh doanh của DPMP chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Những thay đổi từ chính

sách, pháp luật có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty cũng như hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi nắm giữ cổ phiếu DPMP.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty bao gồm hạt nhựa PP (Poly Propylen) và PE, nguồn cung cấp các nguyên liệu này chủ yếu từ nước ngoài (các nước Trung Đông, Hàn Quốc và Châu Âu). Do đó, sự bất ổn về kinh tế, chính trị của các nước này sẽ tác động trực tiếp đến việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho Công ty và ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của Công ty.

Mặt khác, biến động giá dầu cũng có những ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty.

Trong những năm qua, giá nguyên liệu đầu vào luôn có sự biến động đã gây ra những khó khăn nhất định cho các doanh nghiệp sản xuất bao bì. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào phù hợp với mục đích kinh doanh từ những nhà cung cấp ổn định và đáng tin cậy.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty như khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, v.v... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Phạm Văn Hiến	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Anh Tú	Chức vụ: Giám Đốc
Ông Cao Vĩnh Hậu	Chức vụ: Kế Toán Trưởng
Ông Chu Xuân Hải	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông **Trần Hùng Dũng**: Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty – Giám đốc CN Tp. HCM (Theo Giấy ủy quyền số 10/UQ-CKDK ngày 20/04/2015)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn niêm yết cổ phiếu số 29/PSI-DPMP ngày 22/11/2010 với Công ty Cổ phần Bảo bì Đạm Phú Mỹ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bảo bì Đạm Phú Mỹ cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- DPMP	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Tổng Công ty	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
- PVFCCo	Tên viết tắt của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
- PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
- HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- BHXH	Bảo hiểm xã hội
- BHYT	Bảo hiểm y tế
- BHLĐ	Bảo hiểm lao động
- SXKD	Sản xuất kinh doanh
- TSCĐ	Tài sản cố định
- CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- BGĐ	Ban giám đốc
- P/E	Hệ số giá trên thu nhập một cổ phiếu
- P/B	Hệ số giá trên giá trị sổ sách
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- DTT	Doanh thu thuần
- LNTT	Lợi nhuận trước thuế
- LNST	Lợi nhuận sau thuế
- TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**
- Tên tiếng anh **DAM PHU MY PACKAGING JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **DPMP**
- Biểu tượng của Công ty:



- Vốn điều lệ đăng ký: 42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn)
- Vốn điều lệ thực góp: 42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại (064) 3921 999 Fax : (064) 3921 966
- Website www.dpmp.vn
- Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 22/05/2015
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500874315 (số cũ: 4503000320) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/12/2014.
- Tài khoản Số 0081000189632 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - ✓ Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
 - ✓ Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
 - ✓ Kinh doanh vật liệu xây dựng; hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ;
 - ✓ Vận tải bằng ô tô;
 - ✓ Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
 - ✓ Mua bán giấy, vớ, bìa các tông, văn phòng phẩm;
 - ✓ Cho thuê kho bãi;
 - ✓ In ấn, và các dịch vụ liên quan đến in...

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tiền thân là Nhà máy Sản xuất bao bì Hương Phong thuộc Công ty TNHH Hương Phong (Công ty TNHH Hương Phong có chủ sở hữu là Tỉnh ủy Bà

Rịa – Vũng Tàu, được thành lập theo quyết định số 279-QĐ/TU ngày 14/02/2003 của Thường trực tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu), chính thức hoạt động từ ngày 01/10/2004.

Với mục tiêu là khai thác và sử dụng có hiệu quả tài sản, tiền vốn của Tỉnh ủy giao để sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết, tham gia cổ phần với các thành phần kinh tế khác nhằm tạo ra lợi nhuận bổ sung nguồn kinh phí hoạt động của Tỉnh ủy, góp phần nâng đời sống cho cán bộ, nhân viên. Trên tinh thần đó, Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu với doanh nghiệp trực thuộc là Công ty TNHH Hương Phong và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) với công ty con là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) đã thỏa thuận hợp tác để thành lập Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.



Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã hoàn tất chuyển đổi và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 19/05/2008 theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4503000320 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 19/05/2008 và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần 3 số 3500874315 ngày 15/12/2014, với 3 cổ đông sáng lập là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) nắm giữ 50,98% vốn điều lệ; Công ty TNHH Hương Phong nắm giữ 49% vốn điều lệ và cổ đông khác góp 0,02% vốn điều lệ.

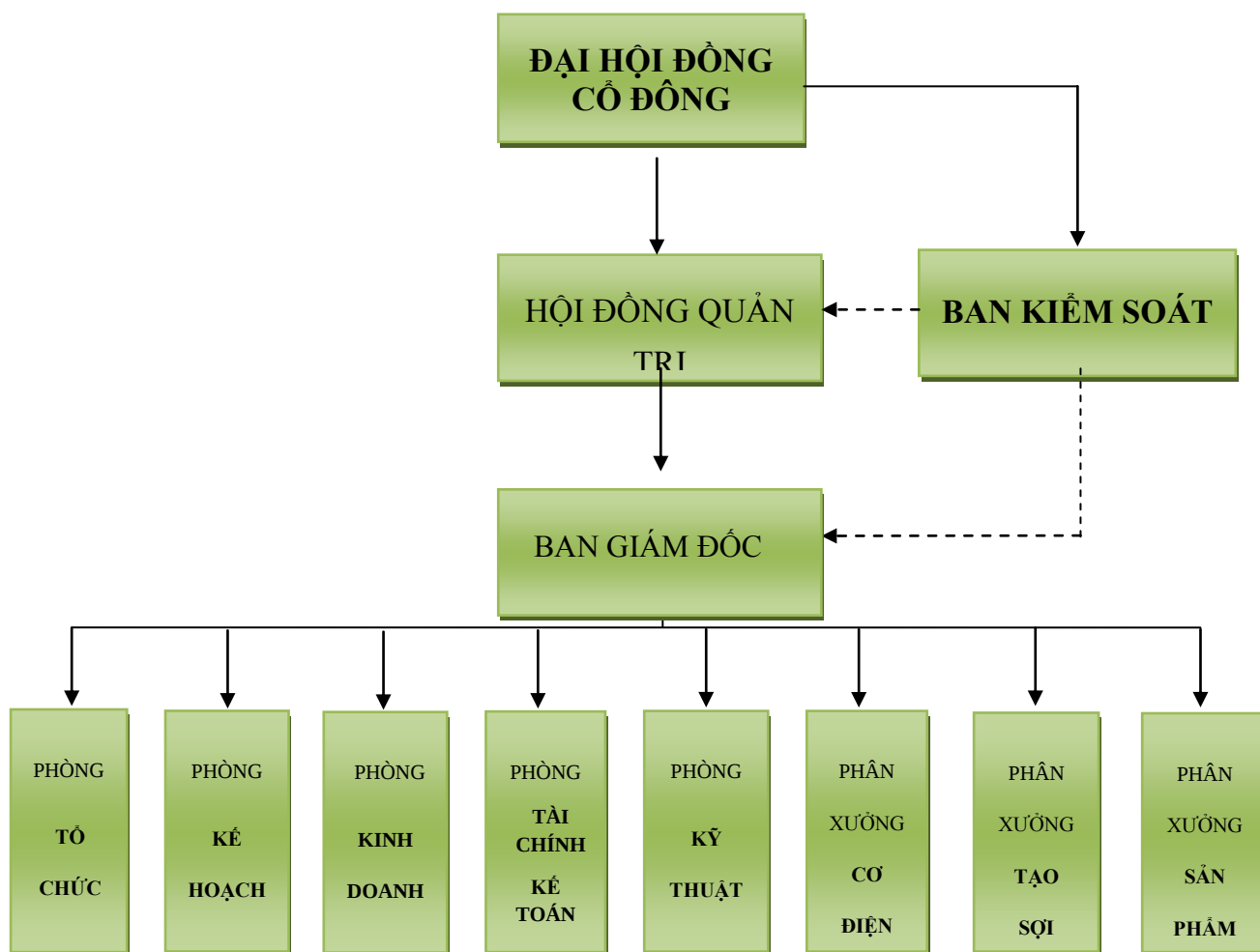
1.3. Quá trình tăng vốn

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép kinh doanh số 3500874315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05.2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/12/2014 là 42.000.000.000 đ (Bốn mươi hai tỷ đồng). Kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ .

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của DPMP được xây dựng căn cứ theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Cơ cấu tổ chức và quy mô các đơn vị nêu trên sẽ được điều chỉnh theo yêu cầu và thực tế công việc

✓ **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; quyết định bộ máy tổ chức của công ty; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% vốn điều lệ của công ty v.v... Đại hội đồng cổ đông họp đại hội thường niên (một năm một lần) và đại hội bất thường.

✓ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, lợi ích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm.

✓ **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là cơ quan thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính trung thực, hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong sổ sách báo cáo tài chính; báo cáo trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo khác của Công ty, về tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, về tính trung thực chính xác của Báo cáo tài chính; kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát của công ty gồm 3 thành viên, trưởng Ban kiểm soát do các thành viên trong ban bầu ra.

✓ **Ban Giám đốc:** Gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bầu ra và cũng là thành viên HĐQT kiêm nhiệm. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và là người chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ được giao. Giám đốc là người đại diện của Công ty trước pháp luật.

✓ **Phòng Tổ chức:**

- Thực hiện nhiệm vụ thư ký, phiên dịch, đối ngoại (trong nước) cho HĐQT và Ban Giám đốc
- Tổ chức quản lý Công tác văn thư, lưu trữ và hệ thống thông tin liên lạc, công tác lễ tân, công tác hành chính tổng hợp.
- Mua sắm, quản lý, bảo dưỡng, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, công cụ lao động, quà tặng đối ngoại và điều kiện làm việc cho CBCNV tại trụ sở Công ty.
- Chủ trì và phối hợp với các bộ phận/ đơn vị trong lĩnh vực tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo

- Kiện toàn hệ thống tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ chế điều hành tổ chức Công ty
- Chiến lược nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo
- Quản lý nhân sự, công tác cán bộ, đánh giá và bổ nhiệm, luân chuyển
- Tiền lương và chế độ chính sách
- Quản lý công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật
- An ninh quốc phòng, an toàn bảo vệ, bảo hiểm và quản lý rủi ro
- Sức khỏe - vệ sinh lao động
- Triển khai hệ thống quản lý chất lượng – An toàn – Sức khỏe – Môi trường (CLATSKMT) theo Tiêu chuẩn
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc giao

✓ **Phòng Kế hoạch**

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư
 - o Hàng tháng lập kế hoạch tiêu thụ, kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên vật liệu, PTTT, Trang thiết bị máy móc
 - o Tham mưu, đề xuất trong đầu tư máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu thay đổi của thị trường
 - o Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng quy hoạch chiến lược phát triển Công ty dài hạn
- Mua nguyên vật liệu, vật tư đầu vào, quản lý kho
 - o Thực hiện mua NVL, vật tư, trang thiết bị sản xuất... đúng theo kế hoạch, yêu cầu đột xuất của các bộ phận đảm bảo theo quy trình mua sắm của Công ty và những quy định của Nhà nước trong mua sắm đấu thầu hàng hóa
 - o Thường xuyên cập nhật thông tin giá cả trên thị trường
 - o Thực hiện các công việc liên quan đến xuất-nhập khẩu hàng hóa
 - o Quản lý kho bãi, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất
 - o Thực hiện công tác nhập – xuất kho theo quy trình, quy định của Công ty
 - o Sắp xếp và bảo quản hàng hóa, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm
- Các công việc khác
 - o Thực hiện các chế độ báo cáo Tổng Công ty, Công ty,... theo chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty

- Tham gia vận hành dự án ERP
- Tham gia các phong trào tập thể theo phong trào chung của Đoàn thanh niên, Công đoàn Công ty, Tổng Công ty

✓ **Phòng Kinh doanh**

- Lập Kế hoạch bán hàng tháng, quý, năm. Duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm khai thác tối đa và hiệu quả dây truyền máy móc thiết bị của Công ty
- Duy trì khách hàng truyền thống và phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chiến lược phát triển của Công ty
- Xây dựng thương hiệu của Công ty thông qua việc tổ chức thực hiện các chương trình quảng cáo, tiếp thị, quan hệ công chúng
- Phối hợp với các Phòng ban trong Công ty để đáp ứng tối đa các yêu cầu của Khách hàng

✓ **Phòng Tài chính kế toán**

- Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý tài sản nguồn vốn.
- Tham mưu cho Giám đốc về chính sách đầu tư, huy động vốn, các giải pháp về tài chính.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán đúng chuẩn mực kế toán, luật kế toán, các quy định khác của tổng Cty và Cty, xây dựng bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả.
- Lưu trữ, báo cáo, cung cấp các thông tin, dữ liệu kế toán theo quy định ;
- Đào tạo và phát triển kỹ năng công tác nghiệp vụ về kế toán tài chính cho nhân viên kế toán, thống kê và xây dựng các phương pháp đào tạo phù hợp với điều kiện của công ty.

✓ **Phòng Kỹ thuật:**

- Quản lý kỹ thuật Công nghệ và Sản xuất
- Quản lý kỹ thuật Thiết bị
- Quản lý kỹ thuật AT-VSLĐ-PCCN
- Là đầu mối tập hợp, tổ chức đánh giá các nghiên cứu khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và quản lý trong công ty
- Tổ chức thực hiện sản xuất theo ca (các Trưởng ca).
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc giao

✓ **Phân xưởng Tạo sợi – Dệt:**

- Thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức KHSX – KD được công ty giao

- Thực hiện việc chăm sóc và quản lý tốt NLĐ, và máy móc thiết bị , công cụ , dụng cụ, đảm bảo các điều kiện về AT – VSLĐ và PC - CN
- Tham mưu cho Ban giám đốc trong việc hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất. chất lượng sản phẩm và giảm phế phẩm
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban giám đốc giao

✓ **Phân xưởng sản phẩm:**

- Tổ chức và quản lý sản xuất trên cơ sở hệ thống quản lý chất lượng để hoàn thành KHSX – KD được công ty giao
- Thực hiện việc chăm sóc và quản lý tốt NLĐ, và máy móc thiết bị , công cụ , dụng cụ, đảm bảo các điều kiện về AT – VSLĐ và PC – CN
- Tham mưu cho Ban giám đốc trong việc hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất. chất lượng sản phẩm và giảm phế phẩm
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban giám đốc giao

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/5/2015

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Công ty TNHH Hương Phong	3500585257	01 Nguyễn Du, P1, Tp.Vũng Tàu	1.680.000	40%
	Đại diện 1: ông Phạm Văn Hiến	273248787	419/A13 Trương Công Định, P3, Tp.Vũng Tàu	1.428.000	34%
	Đại diện 2: Bà Hồ Thị Minh Hòa	273247671	19 Nguyễn Thiện Thuật, P.Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.	252.000	6%
2	Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí – Công ty cổ phần	0303165480	Số 43 - phường Đa Kao - Quận I - TP Hồ Chí Minh	1.820.300	43,34%
	Đại diện 1: ông	012624850	72 ngách 155/206 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội	812.300	19,35%

	Trần Anh Tú				
	Đại diện 2: Ông Phạm Văn Quý	024083663	326/1/1A Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.	504.000	12%
	Đại diện 3: Ông Lê Hồng Quân	025163995	41/11 đường số 9, khu phố 4, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM.	504.000	12%
	Tổng cộng			3.500.300	83,34%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VDL (%)
1	Công ty TNHH Hương Phong	3500585257 (số cũ 4904000004)	01 Nguyễn Du, P1, Tp.Vũng Tàu	2.058.000	49%
	Đại diện 1: ông Phạm Văn Hiến	273248787	419/A13 Trương Công Định, P3, Tp.Vũng Tàu	1.428.000	34%
	Đại diện 2: ông Lê Đức Hoà	273247671	761/11B Trương Công Định, Phường 9, TP Vũng Tàu	630.000	15%
2	Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí –CTCP)	0303165480 (số cũ 4103007696)	Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM (nay là Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn - phường Bến Nghé - Quận I - TP Hồ Chí Minh)	1.512.000	36,00%
	Đại diện 1: ông Nguyễn Văn Tiến	120019610	51 Ngô Gia Tự, P.Ngô Quyền, TP Bắc Giang	831.600	19,80%
	Đại diện 2: Bà Trần Thị Phương Thảo	024470022	46 Điện Biên Phủ, P.Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh	680.400	15,20%
3	Công ty CP Thương mại và Vận tải Sông Đà	0303000131	Quốc lộ 6A Km số 10, phường Văn Mỹ, Tp. Hà Đông, tỉnh Hà Tây	630.000	15,00%

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VĐL (%)
	Đại diện: Ông Hoàng Văn Toàn	113096108	Số 14 ngõ 5 Chiến Thắng, phường Văn Mỗ, Tp. Hà Đông, tỉnh Hà Tây	630.000	15,00%
	Tổng cộng			4.200.000	100%

Nguồn: Giấy CNĐKKD số 3500874315 do Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/5/2008

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu ngày 19/05/2008. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005QH11, đến thời điểm hiện nay các cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

3.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/05/2015

STT	Cổ đông	Số lượng (người/tổ chức)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	144	4.200.000	42.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	2	3.500.300	35.003.000.000	83,34%
2	Cổ đông cá nhân	142	699.700	6.997.000.000	16,66%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
	Tổng cộng	144	4.200.000	42.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của DPMP, những công ty mà DPMP đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với DPMP

- Công ty mẹ của Công ty: Không có
- Công ty con của Công ty: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì PP, PK, PE.

Các sản phẩm bao bì chính của Công ty bao gồm:

- Bao PP chứa phân bón/nông sản: cung cấp cho các đơn vị sản xuất phân bón, hóa chất, lương thực, nông sản, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản như: Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Nhà Máy Đạm Phú Mỹ, Công ty TNHH Bao CP Việt Nam, phân phối lại cho các nhà cung cấp bao bì khác ở nước ngoài,....

- Bao xi măng PP/PK và KPK: cung cấp cho các đơn vị sản xuất xi măng trong nước như: FiCO, Nghi Sơn, Cẩm Phả, Thăng Long, Lafarge, Hạ Long,....

- Bao Jumbo: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu: (i) ở trong nước hiện tại Công ty đang cung cấp cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty phân bón Baconco, các Công ty sản xuất mùn cưa, Công ty Than khoáng sản, PV Coating,.... (ii) thị trường xuất khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Ukraina, Malaysia.

- Các loại bao bì PP, cuộn vải dệt PP dạng ống, dạng manh, bao Jumbo đang xuất khẩu sang thị trường: Chi Lê, Brasil, Mỹ, Costa Rica, Pháp, Bồ Đào Nha, Ukraina, Indonesia, Malaysia, Thái Lan,...

5.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết cơ cấu sản phẩm của DPMP trong giai đoạn 2013 – 2014 và 3 tháng đầu năm 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Quý 1/2015
Sản lượng tiêu thụ bao truyền thống	1.000 bao	44.010	49.500	12.835
<i>Bao bì phân bón/ nông sản</i>	1.000 bao	28.120	31.571	8.924
<i>Bao xi măng</i>	1.000 bao	15.890	17.929	3.911
Sản lượng tiêu thụ bao jumbo	1.000 bao	-	20,02	25,51
<i>Bao jumbo</i>	1.000 bao	-	20,02	25,51

Nguồn: DPMP

Chi tiết doanh thu thuần theo từng loại sản phẩm của DPMP trong giai đoạn 2013-2014 và 3 tháng đầu năm 2015

ĐVT: triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2013		NĂM 2014		Quý 1/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng

KHOẢN MỤC		NĂM 2013		NĂM 2014		Quý 1/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
DOANH THU							
I.	DT bán hàng	184.907	98,77%	208.213	91,12%	46.824	72,12%
1	Bao bì phân bón/nông sản	100.604	53,74%	115.540	50,57%	29.309	45,14%
2	Bao xi măng	84.303	45,03%	90.698	39,69%	15.392	23,71%
3	Bao Jumbo	-	0,00%	1.975	0,86%	2.123	3,27%
II.	DT cung cấp dịch vụ	1.433	0,77%	19.362	8,48%	18.053	27,80%
III.	DT khác	858	0,46%	919	0,40%	51	0,08%
	TỔNG CỘNG	187.198	100%	228.494	100%	64.928	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, BCTC quý 1/2015 của Công ty

Trong cơ cấu doanh thu hàng năm của Công ty, doanh thu từ hoạt động sản xuất bao bì (gồm bao bì phân bón/nông sản, bao xi măng và bao jumbo) luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động sản xuất của Công ty giảm qua các năm, cụ thể là tỷ trọng doanh thu kinh doanh bao bì truyền thống chiếm 98,77% trong năm 2013, giảm còn 90,26% năm 2014 và chỉ còn 72,12% trong quý 1 năm 2015 là do từ năm 2014 Công ty bắt đầu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại một số mặt hàng nhựa và giấy, nên tỷ lệ doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ năm 2013 chỉ chiếm 0,77% nhưng đã tăng lên 8,48% trong năm 2014 và quý 1/2015 tăng mạnh, chiếm 27,55% cơ cấu doanh thu trong kỳ.

Đối với doanh thu từ hoạt động sản xuất, ngoài doanh thu từ bao bì truyền thống (gồm bao bì phân bón/nông sản và bao xi măng), từ năm 2014 sản phẩm bao Jumbo đã bắt đầu đem lại doanh thu cho Công ty và tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm này đã có sự tăng trưởng qua các năm (năm 2014 chiếm 0,86% và quý 1/2015 chiếm 3,27% cơ cấu doanh thu trong kỳ).

Doanh thu khác là khoản doanh thu từ hoạt động cho Công ty TNHH Hương Phong thuê đất tại trụ sở Công ty với giá bằng giá Công ty thuê để giảm bớt chi phí quản lý cho Công ty.

Chi tiết lợi nhuận gộp Công ty qua các năm 2013, 2014 và 3 tháng đầu năm 2015 được thể hiện như sau:

Đơn vị tính : Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2013	NĂM 2014	Quý 1/2015
-----------	----------	----------	------------

		Số tiền	Tỷ trọng/DTT	Số tiền	Tỷ trọng/DTT	Số tiền	Tỷ trọng/DTT
LỢI NHUẬN GỘP							
I.	Lợi nhuận gộp bán hàng	33.238	17,75%	37.512	16,42%	8.563	13,19%
1	Bao bì phân bón/nông sản	27.653	14,77%	27.928	12,22%	6.808	10,49%
2	Bao xi măng	5.585	2,98%	9.301	4,08%	1.625	2,50%
3	Bao Jumbo	-	0%	283	0,12%	130	0,20%
II.	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	108	0,06%	280	0,12%	649	1,00%
III.	Khác	21	0,01%	-	0%	-	0%
	TỔNG CỘNG	33.367	17,82%	37.792	16,54%	9.212	14,19%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, BCTC quý 1/2015 của Công ty

Cũng như cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp hàng năm của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất bao bì, đặc biệt là bao bì phân bón/nông sản. Tuy nhiên, do giá vốn hàng bán tăng qua các năm dẫn tới tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần giảm tương ứng. Lợi nhuận gộp năm 2013 đạt trên 33,3 tỷ đồng với tỷ suất sinh lợi gộp là 17,82% doanh thu thuần, năm 2014 đạt gần 37,8 tỷ đồng với tỷ suất sinh lợi gộp là 16,54% và quý 1/2015 lợi nhuận gộp đạt 9,2 tỷ đồng với tỷ suất sinh lợi gộp giảm còn 14,19% doanh thu thuần.

5.3. Nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm bao bì phục vụ đóng gói các sản phẩm phân bón, xi măng, nông sản nên đầu vào của Công ty là hạt nhựa PP, PE, giấy Kraft chỉ, mực in và các loại phụ gia ngành nhựa như hạt màu, bột đá.

5.3.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Đối với các loại hạt nhựa PP và PE nguồn cung cấp chủ yếu từ nước ngoài, chủ yếu có nguồn gốc từ các nước Trung Đông, Hàn Quốc và Châu Âu.

Nguyên liệu còn lại như phụ gia, mực và chỉ may có nguồn gốc nội địa.

5.3.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Với kinh nghiệm và uy tín hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì và là thành viên của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP, công ty luôn chủ động được nguồn hàng hóa nguyên vật liệu đầu vào phù hợp với yêu cầu mục đích kinh doanh của Công ty từ những

đối tác cung cấp ổn định và đáng tin cậy.

5.3.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới Doanh thu và lợi nhuận

- Với chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản xuất là yếu tố sẽ ảnh hưởng lớn tới giá thành sản phẩm của DPMP, vì thế việc điều chỉnh giá nguyên vật liệu đầu vào như hạt nhựa, giấy Kraft sẽ có ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Xác định được những yếu tố rủi ro này nên Công ty xây dựng chính sách hàng tồn kho phù hợp, việc tích trữ nguyên vật liệu đủ dùng cho 1 quý đối với hạt nhựa PP và giấy Kraft. Các nguồn nguyên liệu trong nước thường tích trữ từ 1 tuần đến 1 tháng do thời gian vận chuyển ít hơn. Do nguồn nguyên liệu nhập khẩu như nhựa các loại biến động nhạy cảm theo giá dầu và có thời gian vận chuyển xa (từ 30-45 ngày từ lúc xác nhận LC), biến động tăng giảm theo chu kỳ rất ngắn trong khi đơn hàng bán ra chào bán theo giá nhựa thế giới nên Công ty không xây dựng phương án đầu cơ, tích hàng nhiều vì rủi ro cao. Việc đặt hàng sẽ cân nhắc đặt từng tháng theo nhu cầu của đơn hàng đối với nguyên vật liệu chính như nhựa PP sẽ đặt hàng từng quý. Nhân tố quyết định nhập kho dựa vào kế hoạch tiêu thụ và sản xuất hàng tháng/quý.

5.4. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với tổng chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm 2013, 2014 và 3 tháng 2015

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	3 tháng đầu năm 2015
1	Giá vốn hàng bán	153.832	190.702	55.716
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>82,18%</i>	<i>83,47%</i>	<i>85,81%</i>
2	Chi phí tài chính	1.493	2.331	451
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>0,80%</i>	<i>1,02%</i>	<i>0,69%</i>
3	Chi phí bán hàng	4.440	6.216	949
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>2,37%</i>	<i>2,72%</i>	<i>1,46%</i>
4	Chi phí quản lý	17.914	18.183	4.975
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>9,57%</i>	<i>7,96%</i>	<i>7,66%</i>
TỔNG CỘNG		177.679	217.434	62.092
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>94,92%</i>	<i>95,17%</i>	<i>95,62%</i>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, và BCTC quý 1/2015 của DPMP

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân chiếm khoảng 82-85% doanh thu thuần, tỷ lệ này tương đối ổn định, ít có sự biến động qua các

năm.

Chi phí tài chính và Chi phí bán hàng của Công ty không đáng kể trong cơ cấu chi phí qua các năm. Chi phí bán hàng chỉ chiếm khoảng 2% doanh thu thuần hàng năm, tuy nhiên chi phí bán hàng năm 2014 tăng 40% so với năm 2013 là do một số chi phí tăng thêm như: chi phí vận chuyển tăng 19%, chi phí chăm sóc khách hàng, tiếp thị quảng cáo, mở rộng thị trường tăng 21%.... Chi phí tài chính chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khoảng 1% doanh thu thuần.

Chi phí quản lý của Công ty bao gồm cả chi phí thuê đất, chi phí khấu hao nhà cửa, ...chiếm tỷ trọng khá cao so với doanh thu thuần. Năm 2013 chiếm gần 10% doanh thu thuần, tuy nhiên năm 2014 tỷ lệ này giảm còn 8%, do sự quản lý chặt chẽ chi phí của Công ty, đồng thời doanh thu, sản lượng trong năm tăng nhưng chi phí quản lý không tăng tương ứng.

5.5. Trình độ công nghệ

Công nghệ máy móc thiết bị (MMTB) chính của công ty chỉ ở mức trung bình. Bao gồm máy dệt, máy kéo sợi, máy cắt, máy in, máy làm bao xi măng, ... đều được nhập từ Ấn Độ. Ưu điểm là vận hành đơn giản nhưng sửa chữa phức tạp, đặc biệt là các bộ điều khiển có thể lập trình (PLC); nhược điểm quan trọng nhất dễ bị tác động bởi chất lượng nguyên liệu.

Về cơ bản, công nghệ sản xuất sợi PP và dệt vải PP không thay đổi nhiều mà chủ yếu là thay đổi phân kết cấu của các cụm thiết bị chính để cho phép người sử dụng có thể sử dụng được nguyên liệu đa dạng hơn; công nghệ tự động hóa để gia tăng mức độ kiểm soát và điều khiển các thông số vận hành để nâng cao chất lượng và tăng năng suất, giảm chi phí vận hành

Việc thay đổi công nghệ, kỹ thuật sản xuất bao bì chủ yếu bị tác động do công nghệ đóng bao của các đơn vị sử dụng bao bì. Công nghệ và phương thức đóng bao làm thay đổi kết cấu của bao thậm chí cả vật liệu chế tạo bao, vì thế công nghệ và kỹ thuật sản xuất bao phải thay đổi cho phù hợp.

Việc thay đổi hoàn toàn công nghệ sản xuất là không thể, chỉ có thể cải tiến thay đổi một số công đoạn nhất định để phù hợp với từng khách hàng nhất định. Phương cách sản xuất sản phẩm truyền thống không bị phụ thuộc vào nước ngoài.

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Định hướng phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp căn cứ trên nhu cầu thực tế của thị trường và năng lực cốt lõi của Công ty. Năng lực cốt lõi của công ty dựa trên kinh nghiệm và khả năng sản xuất sản phẩm truyền thống: Polymer nhiệt dẻo, bao bì dệt từ sợi PP, HDPE.

Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới bắt đầu từ công tác nghiên cứu thị trường (bộ phận Marketing) kết hợp với kết quả nghiên cứu thị trường từ bên ngoài (Viện nghiên cứu Dầu khí); song song với nghiên cứu thị trường là công tác nghiên cứu kỹ thuật công nghệ để đáp ứng các yêu cầu sản xuất các sản phẩm mới đó. Do vậy nghiên cứu và phát triển là hoạt động có tính chất đồng bộ và rộng rãi, tuy nhiên đơn vị chính để thực hiện nghiên cứu và phát triển là Phòng Kỹ thuật – Sản xuất phối hợp với các phân xưởng sản xuất để tiến hành thử

nghiệm.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện nay, việc vận hành hệ thống chất lượng của công ty thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008. Việc đăng ký chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn Việt nam và tiêu chuẩn ngành; đặc biệt đối với dòng bao phân bón Ure – Đạm Phú mỹ, chất lượng bao bì phải đồng nhất với chất lượng sản phẩm bên trong của thương hiệu Đạm Phú mỹ.

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm: bản thân người lao động sản xuất ra sản phẩm đó là người đầu tiên chịu trách nhiệm kiểm tra và xử lý chất lượng sản phẩm do mình làm ra; đội ngũ kỹ thuật viên sản xuất giám sát sản xuất của các xưởng cũng là những Giám sát viên về chất lượng để đảm bảo chất lượng sản phẩm do phân xưởng của mình sản xuất trước khi nhập kho. Đội ngũ kiểm tra chất lượng của Công ty thuộc phòng Kỹ thuật – Sản xuất, đây là bộ phận có đào tạo chuyên môn sâu trong công tác kiểm tra đánh giá chất lượng với nhiều thông số khác nhau có sử dụng các trang thiết bị chuyên dùng trong quá trình kiểm tra, kiểm soát và đánh giá chất lượng.

Chất lượng sản phẩm được đánh giá trên từng công đoạn, kiểm soát và xử lý ngay trên từng công đoạn và đến sản phẩm cuối cùng trước khi xuất giao hàng cho khách hàng. Việc lưu trữ số liệu thông tin về kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng trong quá trình sản xuất tạo điều kiện để “truy tìm nguyên nhân gốc” nếu có sự phản hồi từ khách hàng đối với chất lượng sản phẩm; đồng thời hỗ trợ trong việc xử lý khắc phục phòng ngừa và sự không phù hợp.

5.8. Hoạt động Marketing

Thực hiện xây dựng chiến lược đa dạng hóa các sản phẩm bao bì từ nguyên liệu PP/PE cung cấp ra thị trường trong nước và xuất khẩu đặc biệt là bao bì PP dệt truyền thống, bao bì ghép màng BOPP, túi xách siêu thị và bao bì Jumbo. Sản phẩm bao bì chính của Công ty có chất lượng tốt, ổn định và giá thành cạnh tranh nhất.

Xây dựng chính sách giá linh hoạt và hiệu quả: Tạo lợi thế cạnh tranh giá trên cơ sở giá vật tư cập nhật theo thị trường thế giới và cạnh tranh từng thời điểm, đồng thời thực hiện những chính sách quản lý chi phí hiệu quả nhất, tiết kiệm chi phí để giảm giá thành. Bên cạnh đó cũng tăng năng suất lao động, dần thay thế sức lao động thủ công bằng máy móc sẽ giảm chi phí nhân công.

Về hệ thống phân phối: Phương thức phân phối sản phẩm của Công ty theo nhu cầu của khách hàng, Công ty trực tiếp sản xuất và cung cấp. Công ty sản xuất kinh doanh, phân phối bao bì trong và ngoài nước đều được thực hiện một cách nhanh chóng đảm bảo tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng. Chính sách tín dụng chiết khấu có thể áp dụng khi khách hàng/đối tác là Công ty thương mại.

Để mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, Công ty đã đẩy mạnh công tác truyền thông như phát triển hình ảnh trên nhiều phương tiện truyền thông đa phương thức như:

google, trang vàng, các trang e-marketing: alibaba, panjiva, tradekey,...một cách chủ động vừa tạo điều kiện khách hàng chủ động tìm đến Công ty cũng như mình có thể chủ động liên hệ với khách hàng có nhu cầu.

Về công tác tiếp nhận phản hồi của khách hàng: Thực hiện bám sát tất cả các khách hàng, phân công nhân sự phụ trách từng khách hàng để nắm bắt thông tin về chất lượng sử dụng mỗi lô hàng đã giao. Các thắc mắc, yêu cầu của khách hàng để xử lý, giải đáp kịp thời và phản hồi nhanh chóng cho khách hàng. Định kỳ, thực hiện công tác thăm dò ý kiến khách hàng để nhận được sự phản hồi và cải thiện tốt nhất, nhanh chóng nhất những yêu cầu của khách hàng.

Nhằm phát triển thương hiệu: đảm bảo sản phẩm đáp ứng về chất lượng, tiến độ giao hàng và giá cả cạnh tranh cho khách hàng là yếu tố chính xây dựng thương hiệu Công ty bền vững.

Các biện pháp phát triển thương hiệu: (i) Xây dựng thành công bộ nhận dạng thương hiệu (ii) đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh, thương hiệu của công ty, (iii) đảm bảo chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu, giao hàng đúng hạn, công tác hậu mãi tốt (iv) nghiên cứu đưa ra những sản phẩm bao bì thân thiện môi trường, hài hòa lợi ích người sử dụng.

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:



5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết đến thời điểm hiện nay

	Đối tác ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị (đồng)	Thời gian ký HĐ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí – Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Gia công bao bì Ure. Sản lượng 16 triệu bao/năm	55 tỷ/năm	2 năm 1 lần, cung cấp từ năm 2008 đến nay
2	Công ty Xi măng Fico Tây Ninh	Cung cấp Bao bì chứa Xi măng Sản lượng 5 triệu bao/năm	30 tỷ/năm	1 năm 1 lần, cung cấp từ năm 2008 đến nay
3	Chi nhánh phía Nam Công ty Xi măng Cẩm Phả	Cung cấp Bao bì chứa Xi măng Sản lượng 5 triệu bao/năm	30 tỷ/năm	1 năm 1 lần, cung cấp từ năm 2008 đến nay
4	Công ty Xi măng Nghi	Cung cấp Bao bì chứa Xi măng	15 tỷ/năm	1 năm 1 lần,

	Đối tác ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị (đồng)	Thời gian ký HĐ
	Son	Sản lượng 2,5 triệu bao/năm		cung cấp từ năm 2008 đến nay
5	Công ty Goodplast (Singapore)	Cung cấp vải manh làm bao nông sản với sản lượng 75 tấn vải/tháng	1.600.000 \$/năm	1 năm 1 lần, cung cấp từ năm 2013 đến nay

Nguồn: DPMP

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn 2013 – 2014 và Quý 1/2015

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	Quý I/2015
1	Tổng giá trị tài sản	117.109	109.409	-6,58%	120.799
2	Vốn chủ sở hữu	55.840	60.326	8,03%	54.714
3	Vốn điều lệ	42.000	42.000	-	42.000
4	Doanh thu thuần	187.198	228.455	22,04%	64.928
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.549	11.708	10,99%	2.930
6	Lợi nhuận khác	1.522	33	-97,86%	33
7	Lợi nhuận trước thuế	12.071	11.741	-2,73%	2.964
8	Lợi nhuận sau thuế	9.771	10.177	4,16%	2.545
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	64,48%	70,16%	-	-
10	Tỷ lệ LNST/vốn CSH bình quân	17,80%	17,52%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1 năm 2015 của DPMP

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt kết quả tốt và tăng trưởng ổn định qua các năm. Với hoạt động kinh doanh thương mại được đẩy mạnh, Doanh thu thuần năm 2014 tăng hơn 22% so với năm 2013, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2014 chỉ tăng 4,16% so với năm 2013, nguyên nhân là do chi phí quản lý năm 2014 tăng 40% so với năm 2013, đồng thời do sự giảm sút mạnh của khoản Lợi nhuận khác (năm 2013 Công ty được hoàn thuế bảo vệ môi trường 1,5 tỷ đã nộp năm 2012, được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm 2013).

Trong 3 tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần đạt gần 65 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt trên 2,5 tỷ đồng, tương ứng đạt 28,42% và 27,79% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm 2015.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014

6.2.1. Những nhân tố thuận lợi:

- Công ty duy trì ổn định các khách hàng truyền thống, các khách hàng này có nhu cầu đặt hàng ổn định và gia tăng sản lượng đặt hàng so với kế hoạch nên công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện theo từng tháng tương đối tốt.
- Tình hình kinh tế thế giới đã bớt khó khăn, có sự dịch chuyển nhu cầu đặt hàng từ Trung Quốc sang các nước Đông Nam Á, tận dụng cơ hội này Công ty đã phát triển thêm được 7 khách hàng xuất khẩu.
- Bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì cũng là một thuận lợi của Công ty so với một số các đối thủ cạnh tranh.....

6.2.2. Những nhân tố khó khăn:

- Tình hình khó khăn chung của nền kinh tế đã phần nào ảnh hưởng hoạt động SXKD của Công ty. Các khách hàng đứng trước áp lực tiết giảm chi phí đầu vào nên đều yêu cầu giảm giá bao bì trong khi chi phí sản xuất của Công ty ngày càng tăng do tăng chi phí nguyên vật liệu, chi phí điện nước, nhân công, vận chuyển.
- Một số khách hàng truyền thống đã giảm sản lượng đặt hàng như Công ty CP (Thái Lan) chuyển dịch từ việc nhập khẩu bao bì từ thị trường Việt Nam sang tự sản xuất, khách hàng Goodplast United L.t.d (Singapore) xuất khẩu bao bì sang thị trường Brasil cũng giảm sản lượng đặt hàng.
- Công nợ khách hàng: Với tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt và bối cảnh của nền kinh tế như hiện nay, việc tìm kiếm thêm khách hàng mới rất khó khăn, nhất là các khách hàng sử dụng bao bì xi măng. Vì vậy, để giữ khách hàng, đảm bảo đơn hàng ổn định, Công ty xác định cùng chia sẻ khó khăn với các khách hàng xi măng truyền thống, Công ty đã duy trì cung cấp một lượng hàng tối thiểu cho các khách hàng, chấp nhận việc thanh toán trả chậm, việc này

đã đẩy công nợ lên cao. Tuy nhiên, Công ty đã có những biện pháp tích cực để giám sát chặt chẽ tình hình công nợ, theo dõi kịp thời để xử lý nếu xảy ra các diễn biến xấu.

- Máy móc thiết bị sau gần 10 năm hoạt động nên chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cao, mất nhiều thời gian và có ảnh hưởng nhất định đến sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty

Là doanh nghiệp có uy tín trong hoạt động kinh doanh trên địa bàn nên Công ty có khả năng tận dụng tốt các chính sách ưu đãi của các tổ chức tín dụng. Công ty là đơn vị đã có nhiều năm kinh nghiệm sản xuất kinh doanh bao bì, DPMP đã được nhiều doanh nghiệp sử dụng vỏ bao bì nhựa biết đến.

Công ty đã và đang từng bước xây dựng được cho mình một thương hiệu trên thị trường nhựa, bao bì, có uy tín về chất lượng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Ban lãnh đạo DPMP có những bước đầu tư chiến lược hợp lý, đúng thời điểm, có hiểu biết sâu sắc về công nghệ và sự tương quan chiến lược giữa công nghệ và thị trường. Đồng thời, các thành viên Ban lãnh đạo tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức kỹ thuật, hoạch định sản xuất kinh doanh nhiều năm trong ngành; tập thể lãnh đạo, người lao động đoàn kết, gắn bó, cùng chung lợi ích và chí hướng duy trì phát triển Công ty.

Sản phẩm ngành nhựa, bao bì được ứng dụng rộng rãi trên các lĩnh vực công nghiệp, thực phẩm, hóa chất. So với các ngành công nghiệp khác, ngành nhựa được xem là một trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh. Trong những năm gần đây, ngành nhựa Việt Nam là một trong những ngành kinh tế năng động có những bước phát triển nhảy vọt đáng kể là ngành nhựa, có tốc độ phát triển nhanh, đạt 20-25%/năm. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới. Xét về nhu cầu và khả năng đáp ứng của ngành nhựa Việt Nam, hiện nay các sản phẩm nội địa mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu về sản phẩm nhựa chất lượng cao nên khá nhiều công ty phải nhập nguyên liệu từ nước ngoài. Chính vì vậy, chiến lược đầu tư cho ngành nhựa luôn được Chính phủ quan tâm và tạo điều kiện phát triển. Trong đó ngành nhựa bao bì ngày càng chứng tỏ khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường với thị phần tăng lên qua từng năm, dao động ở mức 30-40% trong cơ cấu sản phẩm nhựa (Nhựa kỹ thuật cao, nhựa gia dụng, nhựa bao bì, nhựa VLXD).

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam đang có sự tăng trưởng đáng kể, hàng hóa sản xuất cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu càng đa dạng, phong phú, nhu cầu về bao bì ngày càng tăng mạnh.

Là đơn vị chuyên sản xuất hai dòng sản phẩm chính là bao bì chứa phân bón/nông sản và bao bì xi măng, Công ty đã và đang thực hiện các kế hoạch hành động, đề ra chiến lược dựa theo chiến lược phát triển của ngành phân bón, cụ thể cung ứng bao bì cho Công ty mẹ là

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và các đơn hàng bao bì xi măng, theo Quy hoạch phát triển ngành Xi măng. Với mục tiêu hiện thực hóa Chiến lược phát triển của Công ty Bao Bì, mục tiêu dài hạn định hướng cho sự phát triển của Công ty sẽ được xây dựng từ sự tích hợp các kế hoạch hành động ngắn hạn. Từ đó Công ty sẽ có được những chuẩn bị chu đáo cho việc sử dụng hiệu quả và hợp lý nguồn nhân lực, tài lực sao cho chiến lược phát triển bao bì.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong điều kiện nền kinh tế hiện nay, tình hình suy thoái của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước trong vài năm qua ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Công ty trong nước. Song đối với ngành sản xuất bao bì - ngành công nghiệp phụ trợ - vẫn có những bước tăng trưởng đáng kể và không thể thiếu trong dây chuyền cung ứng sản phẩm các ngành công nghiệp khác nhau. Theo báo cáo của Hiệp Hội Nhựa Việt Nam, trong 3 năm trở lại đây, xu hướng đặt gia công các sản phẩm bao bì từ thị trường truyền thống Trung Quốc đã chuyển dần sang các thị trường Campuchia, Myanmar và Việt Nam do chi phí lao động còn thấp và chính sách kêu gọi đầu tư tăng. Vì thế, gia tăng đầu tư tại thời điểm hiện tại sẽ có những lợi thế cạnh tranh và đảm bảo hiệu quả trong ngắn hạn và trung hạn.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh kết quả kinh doanh của Công ty với một số công ty trong ngành năm 2014

Mã CP	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản (triệu đồng)	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	ROA	ROE
PBP	32.650	46.703	94.615	156.913	10.240	11,06%	24,43%
VBC	29.999,89	87.038	260.116	609.525	21.456	7,62%	25,32%
BXH	30.120,4	49.159	115.378	210.542	6.089	5,22%	12,73%
HPB	38.800	90.429	156.240	257.232	11.391	7,94%	12,98%
BBS	42.000	80.740	212.671	489.985	8.345	3,88%	10,60%
BPC	38.000	87.435	169.537	291.883	8.308	4,71%	9,59%
PMP	42.000	60.326	109.409	228.455	10.177	8,99%	17,52%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của các công ty

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới

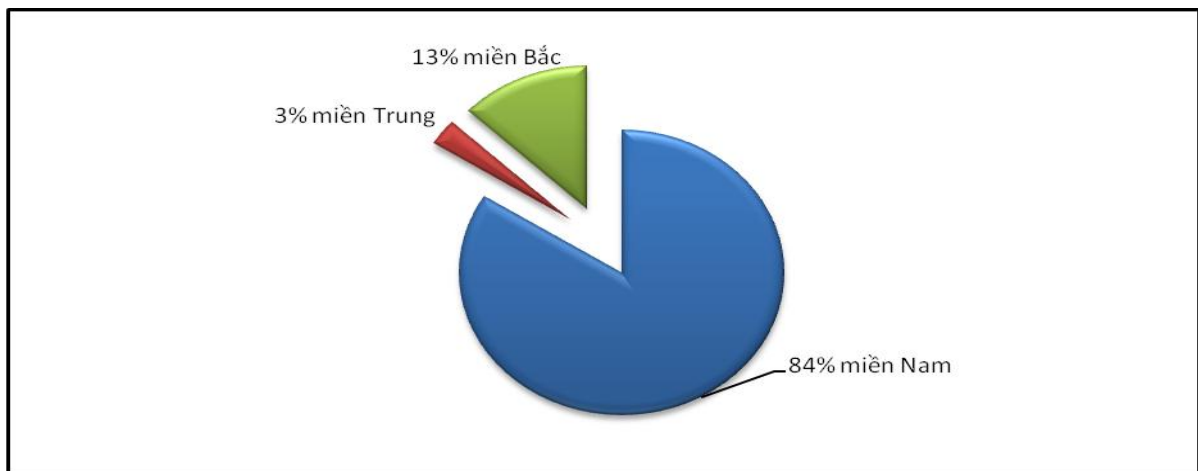
Cùng với sự gia tăng nhu cầu của các khách hàng xuất khẩu, cụ thể là các khách hàng xuất khẩu tại thị trường Nam Mỹ (Brasil), Trung Mỹ (Costa Rica), Châu Á (Thái Lan, Indonesia, Israel...) thì năng suất sản xuất hiện tại của Công ty chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng. Đầu tư phát triển mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm sẽ

tạo điều kiện cho Công ty đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là những khách hàng có nhu cầu lớn một dòng sản phẩm từ một nhà cung cấp nhằm ổn định chất lượng và tiến độ cung cấp cho khách hàng.

Trước sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ trong ngành bao bì, định hướng đa dạng hóa sản phẩm và sản xuất với khối lượng lớn nhằm đáp ứng nhu cầu của những khách hàng lớn thì Công ty mới có thể gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đánh giá chung về thị trường Bao bì:

Tính đến nay, cả nước có hơn 2000 doanh nghiệp liên quan đến ngành nhựa, trong đó các công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu chiếm 84%, Miền Bắc chiếm 13%, Miền Trung chiếm 3%. Tuy đã có sự đầu tư về máy móc thiết bị nhưng đa phần là nhập khẩu từ Trung Quốc, do đó máy móc còn khá đơn giản và chưa đạt trình độ công nghệ phức tạp như sản phẩm của các nước Châu Âu, Châu Mỹ...



Biểu đồ phân bố doanh nghiệp sản xuất bao bì toàn quốc

Bao bì nhựa là phân ngành lớn nhất trong ngành nhựa, trong khoảng 2000 doanh nghiệp thì có khoảng 40% các doanh nghiệp chuyên sản xuất về bao bì. Căn cứ nguyên liệu, công nghệ thì ngành nhựa bao bì có thể được chia nhỏ hơn thành:

- Phân khúc thị trường bao bì ngành xây dựng: bao xi măng, nguyên liệu chính là PP và giấy Kraft.
- Phân khúc thị trường bao bì thực phẩm: chiếm đa số trong nhóm bao bì nhựa do quy mô vốn và công nghệ không cao, nguyên liệu chính là PP.
- Phân khúc thị trường bao bì PET: đòi hỏi quy mô lớn, công nghệ cao với nguyên vật liệu chủ yếu là hạt nhựa PET, các công ty dẫn đầu ngành này là Công ty Nhựa Ngọc Nghĩa và Công ty Cổ phần Nhựa Bảo Vân.
- Phân khúc thị trường túi nhựa: đòi hỏi công nghệ cao, nguyên liệu chính là PE, thị

trường tiêu thụ là châu Âu, châu Mỹ, Nhật. Sẽ khó khăn cho các Doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang Mỹ do thị trường này họ áp dụng thuế chống bán phá giá.

Một số các đơn vị sản xuất bao bì lớn trong nước

Logo	Tên công ty	Sản phẩm chính	Công nghệ/ Điểm mạnh
	An Phát Plastic	Bao bì màng mỏng xuất khẩu (thân thiện với môi trường), sử dụng nguyên liệu nhựa tái chế.	Công nghệ thổi tạo màng, máy thổi hai đầu TWBD 600 của Đài Loan năm 2010, máy thổi JBP650 của Nhật năm 2009.
	Công ty CP Bao bì Nhon Trạch	Bao xi măng các loại cho các khách hàng như Lafarge, Holcim, Hà Tiên 1 – 2, Nghi Sơn...	Đã đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất bao dán đáy với công suất 20 tr.cái/năm. Đây là công nghệ hiện đại và mới ở Việt Nam đối với việc sản xuất bao bì xi măng.
	Công ty CP Sadico Cần Thơ	Bao xi măng các loại	Vốn điều lệ: 50 tỷ Có nhiều kinh nghiệm trong ngành.
	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bao xi măng, bao jumbo	Đẩy mạnh sản phẩm bao jumbo, xuất khẩu các thị trường khó tính. . .
	Công ty Cổ phần Bao bì Đại Lục	Bao jumbo, bao PP, túi sách siêu thị.	Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì PP, bao jumbo, vải xuất khẩu
	Công ty CP Bao bì Trung Đông	Bao PP, bao trắng, bao trắng trong, bao BOPP, HDPE, túi xách siêu thị...	Trên 120 máy các loại.

Logo	Tên công ty	Sản phẩm chính	Công nghệ/ Điểm mạnh
 KIENTHANH PLASTIC CO.,LTD	Công ty TNHH SXTM Kiên Thanh	Bao Jumbo, Sling bag, bao PP dệt, bao PP tráng trong, tráng ngoài, bao PP ghép BOPP, film BOPP, túi HDPE	
	Bao bì PP Bình Dương	Sản phẩm chính là vỏ bao xi măng KP	Máy tạo sợi và dệt sợi PP hiệu Lohia Stralinger của Áo, máy tráng màng của ĐL từ năm 2002-2004
	Bao bì Nhựa Sài Gòn	Bao bì nhựa mềm cao cấp (bao bì màng ghép) dùng cho các sản phẩm đóng gói; các mặt hàng giấy như lịch cuốn, lịch tờ...	Công nghệ màng ghép đa lớp sử dụng: máy ghép đùn cao cấp hiệu Shin han của hàn quốc, máy ghép khô Prodoing của ĐL.
	Bao bì Nhựa Tân Tiến	Bao bì nhựa phức hợp gia công cho các đơn vị sản xuất khác, trong đó bao bì thực phẩm và hàng tiêu dùng chiếm 80%.	Công nghệ tráng màng từ hàn quốc từ năm 2001, công nghệ thổi màng 3 lớp của Đức và Đài Loan từ năm 2003 – 2005
	Nhựa Tân Hóa	Bao bì PP chiếm 80% dùng đóng gói thức ăn gia súc, gạo đường...	Công nghệ dệt sợi PP tráng PE từ TQ, công nghệ thổi tráng màng PE 3 lớp của Italia.
	Nhựa Tân Đại Hưng	Bao dệt PP nội địa (22%), bao dệt PP xk (77%). Sản phẩm chủ yếu là bao PP và PE đựng gạo, phân bón, thức ăn gia súc...	Công nghệ tạo sợi, dệt sợi tráng ghép màng PP, PE máy móc nhập từ TQ, ĐL...

Với sự gia tăng ngày càng nhiều các đơn vị sản xuất bao bì như trên cho thấy tiềm năng về bao bì PP (có lòng HDPE/LLDPE), PK, KPK, bao Jumbo,... ngày càng lớn. Đây là định hướng tham khảo để Công ty đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu phát triển.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng số lao động của Công ty là 375 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo phòng ban chức năng, giới tính, thời hạn hợp đồng lao động và trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Phân theo giới tính		
1.1	Nam	163	43,5%
1.2	Nữ	212	56,5%
	Tổng cộng	375	100%
2	Phân theo trình độ		
2.1	Trên đại học	03	0,8%
2.2	Đại học	43	11,5%
2.3	Cao đẳng	17	4,5%
2.4	Trung cấp	69	18,4%
2.5	Dạy nghề và lao động phổ thông	243	64,8%
	Tổng cộng	375	100%
3	Tuổi bình quân	32,4	

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty đều được chú ý, tuyển chọn và đào tạo đảm bảo cho sự phát triển nguồn nhân lực lâu dài của Công ty.

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách đãi ngộ khác

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với công ty, DPMP đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty, đảm bảo tốc độ tăng lao động thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy chế từ tuyển dụng - đào tạo

- sử dụng - đánh giá - đãi ngộ phù hợp.

- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.

- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.

- Người lao động làm việc tại DPMP được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.

- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.

- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.

- Hàng năm công ty có tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.

9. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên hàng năm của Công ty sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Mức chi trả cổ tức các năm 2012, 2013, và 2014 như sau:

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Tỷ lệ cổ tức (Tiền mặt)	14,1%	15%	17%

Nguồn: DPMP

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014, các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015.

10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể như sau:

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10-30
2	Máy móc thiết bị	05-10
3	Phương tiện vận tải	05-07
4	Thiết bị văn phòng	03-05

Nguồn : BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty

10.1.2. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2014 là 7,14 triệu đồng/ người/ tháng, với tổng số cán bộ công nhân viên 375 người.

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản công nợ như: ngân hàng, khách hàng,... luôn được Công ty quan tâm thanh toán đúng hạn và đủ theo hợp đồng đã ký kết. Đến thời điểm hiện nay, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí, ... luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Các khoản thuế phải nộp qua các năm như sau:

DVT :Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Thuế GTGT	-	-	341
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251	512	418
3	Thuế thu nhập cá nhân	341	36	138
4	Thuế nhà thầu	-	25	-
	Tổng cộng	1.592	573	897

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1/2015 của DPMP

10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ qua các năm như sau:

Dvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	4.054	1.269	5.295
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	180	180	326
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.491	624	1.156
4	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	1.991	1.991	-
	Tổng Cộng	9.716	4.064	6.777

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1/2015 của DPMP

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: Công ty trích 2% LNST theo quy định tại thông tư 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 (Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích dưới 10% thu nhập tính thuế).

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu chính là Quỹ dự phòng tài chính, mục đích sử dụng để hỗ trợ và bù đắp những thiệt hại về tài chính của Công ty, được trích lập theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên hàng năm của Công ty.

10.1.6. Tổng dư nợ vay

DVT: triệu đồng

Chi tiết	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Vay và nợ ngắn hạn	19.954	28.544	28.561

NH TMCP Ngoại thương VN - CN Vũng Tàu (1)	16.588	21.456	27.445
- VND	16.588	19.307	27.322
- USD	-	2.148	123
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Vũng Tàu (2)	1.558	5.309	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.808</i>	<i>1.780</i>	<i>1.116</i>
NH TMCP Đại chúng Việt Nam	1.808	1.116	1.116
NH TMCP Ngoại thương VN - CN Vũng Tàu	-	664	-
Vay dài hạn	3.053	1.126	1.126
NH TMCP Ngoại thương VN - CN Vũng Tàu (3)	-	996	996
NH TMCP Đại chúng Việt Nam (4)	3.053	130	130

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1/2015 của DPMP

(1): Là khoản vay bằng đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2012/DMPP-HĐHM và Phụ lục số PL06-2012/ĐPM-HĐHM ngày 25/04/2014 với hạn mức vay là 45 tỷ đồng trong đó doanh số cho vay tối đa (trong 12 tháng) bằng USD là 1.080.000 USD, thời hạn rút vốn đến hết ngày 30/04/2015, lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng.

Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư khoản vay này tại 31/03/2015 là 27.321.771.628 đồng và 5.790 USD tương đương 122.935.000 đồng.

(2): Là khoản vay bằng đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 188/2014/HĐHM/CMB-HCM ngày 29/05/2014 với hạn mức vay là 15 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền mặt/tiền gửi/sổ tiết kiệm của công ty mở tại Ngân hàng. Đến ngày 31/03/2015 thì Công ty đã thanh toán hết số dư nợ của khoản vay này.

(3): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 08/04/2014, có hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của ngân hàng. Tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay

được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư khoản vay này tại 31/03/2014 là 966.315.498 đồng.

(4): Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2011/HĐTD-DPMP-CNSG là khoản vay không có tài sản đảm bảo, mức dư nợ tối đa là 25.310.821.434 đồng, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 7 năm kể từ ngày ký. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiền gửi tổ chức kinh tế bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh +1%/năm. Số dư của khoản vay này tại 31/03/2014 là 129.551.281 đồng.

10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và Quý 1/2015 tình hình các khoản công nợ của Công ty như sau:

➤ Các khoản phải thu:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Phải thu của khách hàng	35.929	38.097	47.195
2	Trả trước cho người bán	160	791	1.350
3	Các khoản phải thu khác	3.752	140	262
Tổng Cộng		39.841	39.027	48.808

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1/2015 của DPMP

Với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bao bì, nên khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng nợ phải thu, tuy nhiên các khoản phải thu này đều trong thời hạn thanh toán theo hợp đồng đã ký kết của Công ty. Công ty không có công nợ phải thu khó đòi và quá hạn.

➤ Các khoản phải trả:

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
I.	Nợ ngắn hạn	58.035	47.755	64.633
1	Vay và nợ ngắn hạn	19.954	28.544	28.561
2	Phải trả người bán	12.003	10.318	17.742
3	Người mua trả tiền trước	413	961	1.933
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.592	573	897

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
5	Phải trả người lao động	3.735	4.788	2.602
6	Chi phí phải trả	1.672	1.252	2.276
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.174	695	9.466
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.491	624	1.156
II.	Nợ dài hạn	3.233	1.306	1.452
1	Vay và nợ dài hạn	3.053	1.126	1.126
2	Doanh thu chưa thực hiện	-	22	
3	Quỹ phát triển KHCN	180	180	326
	Tổng Cộng	61.269	49.082	66.085

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1/2015 của DPMP

Đối với Nợ ngắn hạn thì khoản “Vay và nợ ngắn hạn” và “Phải trả người bán” luôn chiếm tỷ trọng lớn. Khoản phải trả người bán chủ yếu là phải trả cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu trong nước, luôn được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn quy định.

Khoản phải trả, phải nộp khác tại thời điểm 31/3/2015 chủ yếu là phải trả cổ tức năm 2014.

10.1.8. Hàng tồn kho

Chi tiết hàng tồn kho của Công ty qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Nguyên liệu, vật liệu	4.824	6.829	10.046
2	Công cụ dụng cụ	89	136	125
3	Chi phí SXKD dở dang	8.163	7.605	8.406
4	Thành phẩm	2.544	2.904	2.086
5	Hàng hóa	15	15	15
	Tổng cộng	15.634	17.489	20.678

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1/2015 của DPMP

Hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm cuối kỳ thường có giá trị cao, tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do:

- ✓ Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ: Công ty đều có kế hoạch và mua theo đơn đặt hàng.
- ✓ Hàng hóa và thành phẩm: chỉ tồn kho tạm thời vào thời điểm 31/12/2014, 31/3/2015 và sẽ xuất kho vào tháng sau đó.

10.1.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2013 - 2014

Stt	Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ NH	1,18	1,40
2	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ NH	0,91	1,03
II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,52	0,45
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,10	0,81
III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho GVHB/HTK bình quân	10,76	11,51
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ	1,73	2,02
IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	5,22%	4,45%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	17,80%	17,52%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản BQ	9,04%	8,99%
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,64%	5,13%

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát

11.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Phạm Văn Hiến	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Anh Tú	Thành viên HĐQT
3	Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT
4	Phạm Văn Quý	Thành viên HĐQT
5	Hồ Thị Minh Hòa	Thành viên HĐQT
Ban Giám đốc		
1	Trần Anh Tú	Giám đốc
2	Trương Đình Thanh	Phó Giám đốc
3	Phạm Ngọc Thiệp	Phó Giám đốc
4	Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng

11.1.1. Chủ tịch HĐQT – PHẠM VĂN HIẾN:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/10/1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 419/A13 Trương Công Định, Phường 3, Tp Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số CMND: 273248787 Nơi cấp: CA. BRVT Ngày cấp: 13/04/2004
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 9/1979-08/1981	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Nhân viên cơ yếu
Từ 09/1981-03/1984	Trường Cơ yếu Hà Nội	Học viên
Từ 4/1984- 4/1985	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Cán bộ Cơ yếu
Từ 5/1985- 12/1988	Văn phòng Huyện ủy Côn Đảo – Cán bộ Cơ yếu	Bí thư Chi đoàn
Từ 1/1989- 10/1992	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo, Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Cán bộ Cơ yếu
Từ 11/1992 – 2/2003	Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Trưởng phòng Cơ yếu, Chi ủy viên Chi bộ tổng hợp
Từ 03/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Từ 04/2008 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 208.270 cổ phần; chiếm 4,96% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11.1.2. Thành viên HĐQT – TRẦN ANH TÚ

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 26/05/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 72 ngách 155/206 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 012624850, cấp ngày 30/08/2011, tại Công an Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT (liên doanh Ngân hàng Quốc tế Việt Nam và Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự)	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 – 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 812.300 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 19,34% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	10.000	0,23
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	10.000	0,23
Trần Hải Thanh	Em ruột	10.000	0,23
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

11.1.3. Thành viên HĐQT – PHẠM VĂN QUÝ

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : 326/1/1A Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, TpHCM.
- Số CMND : 024083663, ngày cấp 15/09/2007, tại: TpHCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1995 đến 1999	Công ty XNK thủy sản đông lạnh IV	Nhân viên kế toán
Từ 1999 - 04/2004	Công ty TNHH Ever Prime	Nhân viên kế toán
Từ 05/2004 đến 2007	Nhà máy đạm Phú Mỹ trực thuộc Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nhân viên kế toán
Từ năm 2007 đến 03/2012	Công ty CP Phân bón và Hoá chất Dầu Khí Đông Nam Bộ - Ủy viên HĐQT	Kế toán trưởng Công ty
Từ tháng 04/2012 - 10/2013	CN Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tại Campuchia - Bí Thư Chi bộ	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/2013 đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 504.000 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 12% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34

11.1.4. Thành viên HĐQT – LÊ HỒNG QUÂN:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 20/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 41/11 đường số 9, khu phố 4, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM.
- Số CMND : 025163995 do Công an TP HCM cấp ngày 19/05/2010
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/1995 – 03/2000	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD	Chuyên viên kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	số 1 – Bộ XD	
Từ 04/2000 – 01/2002	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Phó phòng Kế toán
Từ 02/2002 – 07/2007	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Kế toán trưởng
Từ 08/2007 – 08/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Phó phòng TCKT
Từ 09/2007 – 12/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 01/2008- 04/2009	Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2	Kế toán trưởng
Từ 05/2009-04/2010	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng
Từ 05/2010 – nay	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	UV BCH Đảng bộ, Kế toán trưởng
Từ 4/2012 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 504.000 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 12% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34

11.1.5. Thành viên HĐQT - HỒ THỊ MINH HÒA:

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 14/10/1980
- Quốc tịch : Việt Nam

- Quê quán : Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú : 19 Nguyễn Thiện Thuật, P.Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.
- Điện thoại liên lạc : 0983 870 508
- Số CMND : 273061265 cấp tại Công an BR-VT ngày 04/04/2012
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thương mại
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/2003 – 3/2005	Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (OSC)	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 04/2005 – 01/2006	Công ty TNHH Hương Phong	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 2/2006- 2/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Thư ký Giám đốc
Từ 3/2008- 10/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 11/2008 - /2010	Công ty TNHH Hương Phong	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ tháng 03/2011 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 2009 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
------------------------	-------------	---------------------	-------------------

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000 40

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

11.2.1. Giám đốc – TRẦN ANH TÚ

Thông tin như trên

11.2.2. Phó Giám đốc – PHẠM NGỌC THIỆP

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/10/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : Thôn Dinh Như Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, Hải Dương.
- Điện thoại liên lạc : 0983.744.005
- Số CMND : 141963527 cấp ngày 24/02/2010 tại Công an tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/2003- 5/2005	Công ty cổ phần Vận tải Nam phát	Nhân viên Xuất nhập khẩu
Từ 6/2005 - 03/2008	Nhà máy Bao bì Hương Phong - Công ty TNHH Hương Phong.	Nhân viên kinh doanh,
Từ 04/2008- 03/2011	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ,	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư,
Từ 03/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ,	Phó Bí thư Chi bộ, Phó Giám đốc Kinh doanh,

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần; chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị May	Vợ	5.000	0,12

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

11.2.3. Phó Giám đốc – TRƯƠNG ĐÌNH THANH:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/10/1958
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Hưng Phúc, Vinh, Nghệ An.
- Điện thoại liên lạc : 0908 596 636
- Số CMND : 187338036 cấp ngày 22/12/2010 tại Công an tỉnh Nghệ An
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1991-1992	Nhà máy Z171 Tổng cục kỹ thuật – Bộ quốc phòng	Phó quản đốc xưởng cơ khí
Từ 1992-1994	Nhà máy Z171 Tổng cục kỹ thuật – Bộ quốc phòng	Trưởng phòng Hành chính quản trị
Từ 1994 – 2001	Nhà máy Bao bì Nhựa Quân khu 4	Trưởng Ban kỹ thuật công nghệ
Từ 2001-2004	Công ty DV-CN Nghệ An	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
Từ 7/2004-5/2008	Nhà máy Bao bì Hương Phong	Phó Giám đốc
Từ 5/2008- 12/2008	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc
Từ 2009-2012	Công ty CP Bao bì Đồng Phú	Phó Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2012 -7/2013	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chuyên gia
Từ 2013 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trương Đình Xuân	Em ruột	12.000	0,29%
Trương Tuấn Anh Minh	Con ruột	3.000	0,07%

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

11.2.4. Kế toán trưởng – CAO VĨNH HẬU:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 20/07/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Quảng Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 8 Ấp Thị Vải Xã Mỹ Xuân Tân Thành BRVT.
- Điện thoại liên lạc : 0902.827.182
- Số CMND : 273589241 cấp ngày 12/4/2012 tại Công an tỉnh BR – VT
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1/2002-6/2003	Công ty CP Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
Từ 7/2003-10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
Từ 11/2004 – 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
Từ 2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần; chiếm 0,11%% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Thị Thanh Thúy	Vợ	5.000	0,12
Cao Thị Mỹ Linh	Em ruột	3.000	0,07

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

11.2. Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Chu Xuân Hải	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Thu Oanh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Văn Khánh	Thành viên Ban kiểm soát

11.2.1. Trưởng Ban kiểm soát – CHU XUÂN HẢI:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/12/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Số 3 Ngách 40/30 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại liên lạc : 0907.557.882
- Số CMND : 012321395
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2006 - 05/2007	Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
Từ 06/2007 - 06/2008	Ngân hàng TMCP Nam Việt	Chuyên viên quan hệ khách hàng
Từ 07/2008 - 06/2010	Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình	Chuyên viên Khách hàng Doanh Nghiệp
Từ 06/2010- 06/2011	Ngân hàng TPCP Liên Việt Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất	Quyền Giám Đốc
Từ 08/2011 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam CN Gia Định	Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh nghiệp
Từ 10/2011 – đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
------------------------	-------------	---------------------	-------------------

Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%
--	------------	-----------	--------

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

11.2.2. Thành viên Ban kiểm soát – NGUYỄN THỊ THU OANH:

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 20/10/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Cao Bằng
- Địa chỉ thường trú : 511/22 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM.
- Điện thoại liên lạc : 0908.828.949
- Số CMND : 022464960 ngày cấp 03/04/2015 tại TP. HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1996 - 05/2008	Công ty Liên Doanh Cityview	Chuyên viên kế toán
Từ 05/2008 - 10/2009	Công ty Liên Doanh Cityview	Phó phòng kế toán
Từ 10/2009 đến nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ năm 2011 đến nay	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm	Tỷ lệ nắm giữ
------------------------	-------------	-----------------	---------------

		giữ	(%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.000	43,34%

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

11.2.3. Thành viên Ban kiểm soát – PHẠM VĂN KHÁNH

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18/11/1966
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nam Định
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 47 đường Phạm Thế Hiển, Phường thạnh tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Điện thoại liên lạc : 0918003453
- Số CMND : 273510262, do Công an BR-VT cấp ngày 31/10/2009
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1986 – 08/1989	Trung đoàn 434, Quân đoàn 4	Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434
Từ 09/1989 – 08/1983	XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
Từ 09/1993 – 12/1997	Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Học đại học và là Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
Từ 01/1997 – 12/1998	Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
Từ 01/1999 – 05/2003	Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp
Từ 06/2003- 12/2003	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán tổng hợp

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế toán
Từ 05/2008 – nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng Kế toán - Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty qua các năm như sau:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013		31/12/2014		31/03/2015	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	81.124	45.275	85.426	40.666	87.623	40.651
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	28.225	21.504	28.317	19.565	30.494	21.237
2	Phương tiện vận tải	1.401	690	1.401	493	1.401	446
3	Máy móc, thiết bị	51.369	23.068	55.578	20.608	55.599	18.968
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	129	14	129	-	129	-

Stt	Khoản mục	31/12/2013		31/12/2014		31/03/2015	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
II	Tài sản cố định vô hình	389	105	-	-	-	-
1	Phần mềm máy tính	36	-	-	-	-	-
2	Tài sản vô hình khác	353	105	-	-	-	-
	Tổng cộng	81.513	45.380	85.426	40.666	87.623	40.651

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1/2015 của DPMP

➤ **CHI TIẾT VỀ TÀI SẢN LÀ ĐẤT ĐAI VÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

STT	Tên dự án	Diện tích (m2)	Địa điểm	Tình trạng giấy tờ đất /Dự kiến làm thủ tục về đất
-----	-----------	----------------	----------	--

1 Đất sản xuất 50.000 KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành Đất thuê lâu dài BRVT

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Dựa vào kế hoạch đầu tư xây dựng, định hướng phát triển của DPMP cho giai đoạn 2015 – 2016, DPMP đặt cho mình kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm sau như sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2014	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2014	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ	42.000	42.000	0%	60.000	42,9%
Doanh thu thuần	228.455	245.580	7,5%	258.358	5,2%

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2014	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2014	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2015
Lợi nhuận trước thuế	11.741	12.670	7,9%	13.435	6,1%
Lợi nhuận sau thuế	9.158	11.050	7,9%	10.748	8,8%
Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	5,14%	5,16%	-	5,2%	-
Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	27,95%	30,17%	-	22,39%	-
Tỷ lệ cổ tức	17%	18%	-	15%	-

Nguồn: DPMP

(*) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2015.

13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến cho năm 2015, Công ty thông qua kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho năm 2015 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 14/04/2015, cụ thể như sau:

Đvt: Nghìn bao

STT	Nội dung	Năm 2015
I	Sản xuất	
	Bao bì truyền thống	55.000
	Bao bì Jumbo	80
II	Tiêu thụ	
	Bao bì truyền thống	55.000

DPMP là đơn vị thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí – CTCP, được sự hỗ trợ của Tổng Công ty về đầu ra tiêu thụ, có một nhóm khách hàng có sản lượng ổn định trong suốt những năm qua. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng thị trường xuất khẩu nên thị trường, khách hàng được đánh giá là thuận lợi và có nhiều điều kiện phát triển.

Căn cứ các hợp đồng lớn và các hợp đồng nguyên tắc đã được DPMP ký với các khách hàng lớn (trình bày tại mục 5.10) nên DPMP đã tăng kế hoạch về sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ trong năm 2015, đạt gần năng suất tối đa của nhà máy. Đây cũng là bước nỗ lực nâng cao năng suất sản xuất và tiêu thụ của DPMP.

Theo BCTC quý 1 năm 2015, trong 3 tháng đầu năm 2015 Công ty đã đạt mức doanh thu là 64.928 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.545 triệu đồng tương ứng đạt 28,42% và 27,79% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm 2015. Từ tình hình sản xuất và tiêu thụ năm 2015, với kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong quý 1 năm 2015, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào khả năng hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2015.

Về kế hoạch tăng vốn trong năm 2016: Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng trong năm 2016, mục đích để đầu tư vào dự án mở rộng nhà máy sản xuất dòng sản phẩm bao Jumbo. Chi tiết về đợt phát hành sẽ được ĐHCĐ thông qua trong thời gian tới.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của DPMP, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí dự kiến trong năm 2015 và 2016, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của DPMP là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. PSI khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý PSI bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của DPMP

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Loại chứng khoán niêm yết là Cổ phiếu phổ thông

2. Mã chứng khoán: PMP**3. Mệnh giá**

Mệnh giá chứng khoán niêm yết là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/một cổ phiếu)

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

Số chứng khoán niêm yết là 4.200.000 cổ phiếu (Bốn triệu hai trăm ngàn cổ phiếu).

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo quy định tại Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Do vậy, số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật được cụ thể như sau:

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Cổ đông lớn là người có liên quan	1.820.300	43,34%
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn là người có liên quan	1.680.000	40,00%
Phạm Văn Hiến	Chủ tịch HĐQT	208.270	4,96%
Hồ Thị Minh Hòa	Ủy viên HĐQT	270	0,006%
Trần Anh Tú	Ủy viên HĐQT/ Giám đốc	20.000	0,48%
Phạm Ngọc Thiệp	Phó GD	5.000	0,12%

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Trương Đình Thanh	Phó GD	5.000	0,12%
Phạm Văn Khánh	TV BKS	270	0,006%
Cao Vĩnh Hậu	KTT	4.600	0,11%
TỔNG CỘNG		3.743.710	89,14%

Nguồn: DPMP

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT và cổ đông lớn là người có liên quan là 3.743.710 cổ phiếu. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 06 tháng và hạn chế 50% trong 06 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết.

6. Phương pháp tính giá

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu cũng là một trong những căn cứ làm cơ sở để cùng với các yếu tố khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2014: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.200.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2014 là 60.326.197.467 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{60.326.197.467}{4.200.000} = 14.363 \text{ đồng/cổ phần}$$

Tại thời điểm 31/12/2013: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.200.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2013 là 55.840.092.349 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{55.840.092.349}{4.200.000} = 13.295 \text{ đồng/cổ phần}$$

Tại thời điểm 31/03/2015: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.200.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/03/2015 là 54.713.847.795

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{54.713.847.795}{4.200.000} = 13.027 \text{ đồng/cổ phần}$$

6.2. Phương pháp tính giá

6.2.1. Tính giá theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = EPS * P/E_{bq}$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E_{bq}: được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong ngành bao bì có nhiều sự tương đồng nhất với DPMP đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

6.2.2. Tính giá theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P = BV * P/B_{bq}$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

P/B_{bq} được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong ngành bao bì có nhiều sự tương đồng nhất với DPMP đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên và các phương pháp khác theo quy định, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của DPMP không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của DPMP được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán

- Thuế GTGT: Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ

tài chính “Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT”, mức thuế suất mà công ty hiện đang áp dụng là 10% và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, mức thuế công ty đang áp dụng cho năm 2014 – 2015 là 22%, kể từ ngày 01/01/2016 thì mức thuế được áp dụng là 20%.
- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.
- Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 20/GCN.UB ngày 02/06/2004 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp thì DPMP được hưởng một số ưu đãi về thuế như sau: được miễn nộp tiền thuê đất thô (chưa có đầu tư hạ tầng) trong suốt thời gian thực hiện dự án, được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc tại thành tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.
- Căn cứ công văn số 4326/CT-TTHT ngày 25/07/2008 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc ưu đãi thuế TNDN do chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, thì DPMP được hưởng ưu đãi thuế cho khoảng thời gian còn lại sau khi trừ đi số năm Công ty TNHH Hương Phong đã được hưởng cho dự án Nhà máy sản xuất bao bì Hương Phong. Do đó, DPMP được hưởng ưu đãi là giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 7 năm kể từ ngày 19/5/2008. Năm 2015 là năm thứ 7 công ty được miễn giảm 50% thuế TNDN với thuế suất 22%.

8.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thì:

- **Thu nhập tính thuế:** Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Giá bán chứng khoán được xác định như sau:
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

- + Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán được chuyển nhượng tại thời điểm bán.
- + Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.
- Giá mua chứng khoán được xác định như sau:
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
 - + Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
 - + Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.
- Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định bao gồm:
 - + Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
 - + Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
 - + Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
 - + Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
 - + Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.
- **Thuế suất và cách tính thuế:**

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

 - Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:

- + Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký ngay từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.
- + Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước.
- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách tính thuế phải nộp như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

➤ **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế**

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

- Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3934 3888
- Fax: 04.3934 3999
- Website: www.psi.vn
- Email: psi@psi.vn

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143
- Website: www.deloitte.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty ;
- 3. Phụ lục III:** BCTC kiểm toán năm 2014, BCTC quý 1 năm 2015 của Công ty.

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2015

**CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC,
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM VĂN HIỂN

GIÁM ĐỐC

7

TRẦN ANH TÚ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

llm

CHU XUÂN HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "K. H. Lee". The signature is fluid and stylized, with a long horizontal stroke extending from the end. It is written over a faint background grid.

CAO VĨNH HẬU

CHỮ KÝ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY – GIÁM ĐỐC CN HCM



TRẦN HÙNG DŨNG